

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BV -TP. HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 79/2022/DS-ST

Ngày: 31/8/2022

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BV-HN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Huy; Ông Nguyễn Văn Bổng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Phương, Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân : Ông Đỗ Xuân Hưng, Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BV xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 23/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp “*Chia thừa kế*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 12 tháng 08 năm 2022 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm: 1962

Địa chỉ: Xóm 3, xã CD, huyện TT, thành phố HN.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: 24/9/14A Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận TB, thành phố HCM.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Tiến B, sinh năm: 1974;

Địa chỉ: 24/9/14A Nguyễn Thái Bình, phường 4, quận TB, thành phố HCM.

- Anh Nguyễn Bá H, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Số nhà 36B, ngõ 247/29 ĐC, phường ĐC, quận HM, thành phố HN.

- Chị Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Địa chỉ: Số 489 Trần Xuân Soạn, phường TK, quận 7, thành phố HCM.

- Bà Nguyễn Thị Kim D, sinh năm: 1966;

Địa chỉ: Xóm 3, xã CD, huyện TT, thành phố HN

(Ông T, bà D có mặt. Ông T1, ông B, anh H, chị T2 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.)

NỘI D V U Á N:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Trí T trình bày: Bố đẻ tôi là cụ Nguyễn Chí P, sinh năm 1941 (chết năm 2010); mẹ đẻ tôi là cụ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1939 (chết năm 2018). Bố mẹ tôi sinh được 4 người con gồm có tôi Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1, bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2008). Ngoài ra bố mẹ tôi không có con đẻ, con nuôi nào khác. Khi bố, mẹ tôi chết đều không để lại di chúc, bố mẹ tôi chết có để lại di sản thừa kế là: Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CD, xã CD, huyện BV, tỉnh HT (Nay là HN) vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CD do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N. Sau nhiều năm khi bố mẹ tôi qua đời các anh em chúng tôi nhiều lần họp bàn để thống nhất việc sử dụng diện tích đất mà bố mẹ tôi để lại nhưng do anh em không thống nhất được về quan điểm của những hàng thừa kế nên dẫn đến việc tranh chấp trong các hàng thừa kế. Đối với ngôi nhà 02 tầng, diện tích 147 m² và các công trình phụ khác trên đất được xây dựng trên diện tích đang tranh chấp là do vợ chồng tôi đứng ra xây dựng năm 2013 với mục đích là để thờ cúng tổ tiên. Chúng tôi thực hiện việc xây dựng này theo biên bản họp gia đình về việc phân chia tài sản ngày 23/12/2012 tại buổi họp có tôi, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1, cùng 3 người làm chứng bàn về việc phân chia tài sản trong đó có tài sản ở xã CD. Mọi người trong gia đình cùng thống nhất giao cho tôi được sử dụng diện tích đất ở xã CD với diện tích 444m², tôi có nhiệm vụ làm ngôi nhà để thờ cúng. Năm 2013 vợ chồng tôi làm ngôi nhà 2 tầng trên diện tích trên và anh em đều biết và không có đóng góp công sức gì vào việc xây dựng ngôi nhà và công trình phụ trên, đồng thời không ai có ý kiến gì. Nay tôi xác định đây là tài sản riêng của vợ chồng tôi nên tôi đề nghị Toà án không xem xét giải quyết. Nay tôi đề nghị Toà án huyện

BV giải quyết chia di sản thừa kế đối với Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, tỉnh HT (Nay là HN) vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CĐ do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật

+ *Tại các bản khai ngày 22/3/2022 và ngày 12/4/2022 ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1 cùng trình bày:* Chúng tôi là con đẻ của cụ Nguyễn Chí P, sinh năm 1941 (chết năm 2010); mẹ đẻ chúng tôi là cụ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1939 (chết năm 2018). Bố mẹ chúng tôi sinh được 4 người con gồm có ông Nguyễn Trí T sinh năm 1962, ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm: 1969, bà Nguyễn Thị B1, sinh năm 1966 (chết năm 2008) và Nguyễn Tiến B, sinh năm 1974. Ngoài ra bố mẹ chúng tôi không có con đẻ, con nuôi nào khác. Bố mẹ chúng tôi chết đi không để lại di chúc. Khi bố mẹ chúng tôi chết đi có để lại di sản thừa kế là: Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, tỉnh HT (Nay là HN) vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CĐ do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N về nguồn gốc diện tích đất này là do cha ông để lại cho bố mẹ chúng tôi. Nay giữa các hàng thừa kế giữa chúng tôi và cháu H, cháu T2 được thừa kế thế vị của chị Nguyễn Thị B1 không thống nhất được về việc chia di sản thừa kế. Do vậy chúng tôi đề nghị Toà án huyện BV giải quyết chia di sản thừa kế đối với diện tích đất 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, tỉnh HT (Nay là HN) theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế mà chúng tôi được chia thì chúng tôi đề nghị giao cho ông Nguyễn Trí T được nhận để ông T tu sửa nhà thờ để thờ cúng tổ tiên và bố mẹ. Đối với ngôi nhà 2 tầng chúng tôi xác định ngôi nhà này do ông T, bà D xây dựng năm 2013, chúng tôi thống nhất giao cho ông T chăm sóc và thờ cúng tổ tiên bố mẹ. Về chi phí mai táng chúng tôi không có tranh chấp và khi còn sống bố mẹ chúng tôi không nợ nần gì ai. Ngoài tài sản thừa kế là diện tích 444m² và tài sản trên đất chúng tôi không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản, di sản thừa kế nào khác.

+ *Tại Bản khai ngày 05/7/2022 anh Nguyễn Bá H trình bày:* Tôi là con trai ruột của bà Nguyễn Thị B1, mẹ tôi đã mất năm 2008 và khi mất đi mẹ tôi không để lại di chúc. mẹ tôi sinh ra được hai người con là tôi Nguyễn Bá H và chị Nguyễn Thị Thu T2. Ông bà ngoại tôi là ông Nguyễn Chí P và bà Nguyễn Thị N khi mất đi cũng không để lại di chúc.

Ông bà tôi có sinh được bốn người con gồm: Bác Nguyễn Trí T, cậu Nguyễn Tiến B, cậu Nguyễn Mạnh T1 và mẹ tôi là bà Nguyễn Thị B1. Tôi là người thừa kế thế vị của bà Nguyễn Thị B1, nay tôi được Toà án N dân huyện BV, HN thông báo về việc ông Nguyễn Trí T tranh chấp chia thừa kế với ông Nguyễn Mạnh T1 đối với thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, HT (Nay là HN) vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CĐ do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N. Theo như tôi được biết thì trên thửa đất có một ngôi nhà thờ, xây dựng năm 2015 và công trình khác trên đất. Nay tôi xác định những tài sản trên là di sản do ông bà ngoại tôi để lại. Nay tôi đề nghị Toà án huyện BV chia di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật. Tôi là người được hưởng thừa kế thế vị của mẹ tôi đối với những di sản thừa kế của ông P và bà N để lại. Nay tôi đề nghị Toà án chia phần di sản thừa kế trên theo quy định của pháp luật và tôi sẽ nhận bằng hình thức thanh toán bằng tiền mặt đối với kỷ phần được chia.

+ *Tại Bản khai ngày 13/7/2022 chị Nguyễn Thị Thu T2 trình bày:* Tôi là con gái bà Nguyễn Thị B1 (Bà Nguyễn Thị B1, chết năm 2008 và là con gái của bà Nguyễn Thị N), tôi là cháu ngoại của ông Nguyễn Chí P và bà Nguyễn Thị N. Ông bà tôi hiện đã qua đời và tôi không có giấy chứng tử, ông bà tôi mất năm nào thì tôi không rõ. Trong trường hợp phát sinh chia di sản thừa kế, tôi đề nghị nhận phần di sản thừa kế thế vị theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác đối với nội dung tranh chấp, tôi đề nghị Toà án huyện BV giải quyết theo quy định của pháp luật. Do tính chất công việc, hoàn cảnh gia đình và khoảng cách xa xôi, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện BV, HN giải quyết vắng mặt xuyên suốt quá trình tố tụng tại Toà án.

+ *Tại Bản khai ngày 29/7/2022 bà Nguyễn Thị Kim D trình bày:* Tôi là vợ của ông Nguyễn Trí T. Năm 2012 gia đình chồng tôi có thống nhất giao cho ông Nguyễn Trí T được quyền sử dụng phần đất ở là diện tích 444m², xây dựng một ngôi nhà để làm nhà thờ cúng tổ tiên. Đến năm 2013 thì vợ chồng tôi cùng thống nhất xây dựng ngôi nhà 2 tầng diện tích 147m² và các công trình phụ trên đất. Việc xây dựng nhà và công trình phụ trên là do vợ chồng tôi tự bỏ ra mọi chi phí bà N và các anh em ruột của ông T không có đóng góp công sức gì. Khi chúng tôi xây dựng ngôi nhà trên thì không ai có ý kiến gì. Nay tôi

khẳng định ngôi nhà và công trình phụ khác trên đất đều là tài sản do tôi và ông T tạo dựng nên không liên quan gì đến di sản thừa kế mà ông P và bà N để lại.

Quá trình giải quyết vụ án, TAND huyện BV, thành phố HN đã tiến hành xem xét thẩm định, định giá tài sản đang tranh chấp. Tại biên bản định giá tài sản ngày 29/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản huyện BV tiến hành định giá khối tài sản sau: Tài sản trên đất gồm: 01 nhà 2 tầng, xây dựng năm 2013, nền lát gạch hoa, cửa inox, có sơn tường, có giá trị: 417.110.176đ (*Bốn trăm mười bảy triệu một trăm mười nghìn một trăm bảy mươi sáu đồng*); 01 bếp lợp mái tôn, nền lát gạch hoa, có sơn tường, xây dựng năm 2013 có giá trị: 17.595.000đ (*Mười bảy triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng*); 01 sân lát gạch đỏ, xây dựng năm 2013 có giá trị: 4.608.400đ (*Bốn triệu sáu trăm linh tám nghìn bốn trăm đồng*); 01 bờ bao, xây bằng gạch chỉ, tường 110 bờ trụ, có sơn tường, xây dựng năm 2013 có giá trị: 7.949.160đ (*Bảy triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm sáu mươi đồng*); 01 cánh cổng (2 cánh cổng và 2 trụ cổng), trụ cổng lát gạch thẻ đỏ, 2 cánh cổng được làm bằng inox, có giá trị 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*). Tài sản là đất tại thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m², địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, tỉnh HT (Nay là HN) vào sổ cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CĐ do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N. Tại thời điểm tháng 7 năm 2022 giá đất là 2.500.000đ/m² (Bao gồm cả đất ở và đất trồng cây lâu năm) theo giá thị trường tại thời điểm định giá tài sản, giá trị thửa đất là: 444m² x 2.500.000đ/m² = 1.110.000.000đ (*Một tỷ một trăm mười triệu đồng*). Giá theo Quyết định số 30/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND thành phố HN về việc ban hành quy định bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố HN áp dụng từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 giá đất ở là: 886.000đ/m²; Giá đất trồng cây lâu năm là 126.000đ/m².

Tại phiên tòa hôm nay, ông T, bà D đều giữ nguyên quan điểm của mình. Các đương sự khác ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1, anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2 đều có ý kiến bằng văn bản và đều xin vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát có ý kiến về trình tự, thủ tục tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Về tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án tuân theo pháp luật; những người tham gia tố tụng đã thực

hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Việc thụ lý vụ án của Tòa án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng các quy định từ Điều 93 đến Điều 97 B luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Về nguồn gốc diện tích 444m² thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, HT (Nay là HN), có nguồn gốc của cha ông cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N để lại, diện tích đất 444m² đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CĐ do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N. Cụ Nguyễn Chí P, sinh năm 1941 (chết năm 2010); cụ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1939 (chết năm 2018). Bố mẹ đẻ của cụ P, cụ N đều không ai còn sống. Khi còn sống, cụ P, cụ N sinh được 4 người con gồm có ông Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1, bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2008). Ngoài ra cụ P, cụ N không có con đẻ, con nuôi nào khác. Khi cụ P, cụ N chết đều không để lại di chúc. như vậy có căn cứ xác định được di sản thừa kế của cụ P, cụ N để lại là diện tích đất 444m² có giá trị 1.110.000.000đ. Đối với tài sản trên đất là ngôi nhà 02 tầng được xây dựng năm 2013 và các công trình phụ trên đất, thời điểm xây dựng cụ N vẫn còn sống nhưng cụ N ở cùng các con trong thành phố HCM, các hàng thừa kế xác định ngôi nhà và các công trình phụ trên đất do ông T, bà D xây dựng, các hàng thừa kế xác định là tài sản của ông T, bà D, không phải là di sản thừa kế của cụ P, cụ N và đều không yêu cầu xem xét giải quyết, do vậy đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết. Về chi phí mai táng và việc thực hiện nghĩa vụ thay người chết khi còn sống, các hàng thừa kế không có tranh chấp và không yêu cầu xem xét. Như vậy có đầy đủ căn cứ xác định di sản thừa kế là diện tích đất 444m², xác định được hàng thừa kế thứ nhất của cụ P, cụ N là: ông T, ông T1, ông B. Đối với bà B1 (chết năm 2008) chết trước thời điểm cụ N (chết 2018) do vậy các con bà B1 là cháu H, cháu T2 được thừa kế thế vị, được hưởng kỷ phần thừa kế của bà B1. Do các hàng thừa kế ông T1, ông B đều có yêu cầu kỷ phần hưởng thừa kế của ông T1, ông B, các ông T1, B giao lại cho ông T làm nơi thờ cúng, các thế vị cháu H, cháu T2 đều đề nghị kỷ phần thừa kế được hưởng thế vị xin nhận thanh toán bằng tiền. Do vậy VKSND huyện BV đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 147 Điều 227 và Điều 228 B luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 649, Điều 650, Điều 651 B luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật: $444\text{m}^2 : 4 = 111\text{m}^2/\text{suất}$. Do các hàng thừa kế không nhận di sản và yêu cầu T toán bằng tiền do vậy xác định giá trị diện tích đất $444\text{m}^2 \times 2.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.110.000.000\text{đ} : 4 = 277.500.000\text{đ}/\text{suất}$. Giao toàn bộ di sản thừa kế là diện tích đất 444m^2 có giá trị 1.110.000.000đ cho ông Nguyễn Trí T được quyền sử dụng. Buộc ông T phải thanh toán kỹ phần cho các thừa kế thế vị là cháu H, cháu T2 số tiền: 277.500.000đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Về án phí các bên đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả trưng tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Trí T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất là quan hệ tranh chấp dân sự về “*Chia thừa kế tài sản*”, di sản thừa kế là diện tích đất tọa lạc tại thôn CD, xã CD, huyện BV, HN. Theo qui định tại khoản 5 và 9 Điều 26 B luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BV, thành phố HN. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt họ là đúng quy định của pháp luật. Về thời hiệu thừa kế: Cụ Nguyễn Chí P chết năm 2010 và cụ Nguyễn Thị N chết năm 2018, tính đến thời điểm khởi kiện là chưa quá 30 năm và tài sản tranh chấp là đất. Căn cứ vào Điều 623 B luật dân sự thì thời hiệu khởi kiện về chia thừa kế đảm bảo đúng pháp luật.

[2]. Về nội dung: Về nguồn gốc diện tích 444m^2 thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, địa chỉ thửa đất tại thôn CD, xã CD, huyện BV, HT (Nay là HN), có nguồn gốc của cha ông cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N để lại, diện tích đất 444m^2 đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận QSD đất số 01083 QSDĐ/CD do UBND huyện BV cấp ngày 30/3/1995 đứng tên bà Nguyễn Thị N. Cụ Nguyễn Chí P, sinh năm 1941 (chết năm 2010); cụ Nguyễn Thị N, sinh năm: 1939 (chết năm 2018). Bố mẹ đẻ của cụ P, cụ N đều không ai còn sống. Khi còn sống, cụ P, cụ N sinh được 4 người con gồm có ông Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1, bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2008). Ngoài ra cụ

P, cụ N không có con đẻ, con nuôi nào khác. Khi cụ P, cụ N chết đều không để lại di chúc. Do các hàng thừa kế không thỏa thuận được với nhau nên đã phát sinh tranh chấp, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Nguyễn Trí T khởi kiện yêu cầu Tòa án chia thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Trí T về yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là hợp pháp. HĐXX xét thấy: ông Nguyễn Trí T là con đẻ của cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N. Các cụ Nguyễn Chí P chết năm 2010; cụ Nguyễn Thị N, chết năm 2018 đều không để lại di chúc, do vậy ông Nguyễn Trí T được xác định là hàng thừa kế thứ nhất của cụ P, cụ N, ông Nguyễn Trí T là con cả và đang quản lý di sản của cụ P, cụ N để lại là diện tích đất 444m², tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, thành phố HN, do các hàng thừa kế không thống nhất được với nhau nên phát sinh mâu thuẫn, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo pháp luật. Do vậy yêu cầu của ông T được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị D cho rằng ngôi nhà và công trình phụ khác trên đất đều là tài sản do bà D và ông T tạo dựng nên không liên quan gì đến di sản thừa kế mà ông P và bà N để lại. HĐXX xét thấy: Năm 2012, khi đó cụ N còn sống đã tiến hành họp gia đình có mặt ông T, bà D, ông T1, ông B có văn bản thống nhất giao cho ông Nguyễn Trí T xây dựng một ngôi nhà để làm nhà thờ cúng tổ tiên. Đến năm 2013 thì vợ chồng ông T, bà D thống nhất xây dựng ngôi nhà 2 tầng diện tích 147m² và các công trình phụ trên đất. Việc xây dựng nhà và công trình phụ trên là do vợ chồng ông T, bà D tự bỏ ra mọi chi phí, khi đó cụ N đang ở cùng con trong thành phố HCM, cụ N và các anh em ruột, con cháu của ông T không có đóng góp công sức gì. Khi ông T, bà D xây dựng ngôi nhà trên thì không ai có ý kiến gì. Bản thân ông T1, ông B cũng xác định ngôi nhà này do ông T, bà D xây dựng năm 2013, ông T1, ông B cũng thống nhất giao cho ông T sử dụng và thờ cúng tổ tiên bố mẹ. Các hàng thừa kế đều xác định đây là tài sản của ông T, bà D, không phải là di sản thừa kế và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy HĐXX không xem xét, bản thân ông T là con trưởng, nên thực hiện trách nhiệm thờ cúng tổ tiên, bố mẹ là phù hợp với phong tục tập quán, do vậy ông T, bà D tiếp tục sử dụng là phù hợp.

Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Bá H cho rằng: Theo như tôi được biết thì trên thửa đất có một ngôi nhà thờ, xây dựng năm 2015 và công trình khác trên đất, anh H cho rằng là di sản thừa kế của cụ P, cụ N. HĐXX xét thấy đối với yêu cầu này của anh H là chưa có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ bản thân anh H cũng chỉ nghe nói, được biết và anh H cũng không có công sức đóng góp gì, anh H chỉ là người được thế vị của bà B1 mà bà B1 chết từ năm 2008, ngôi nhà xây năm 2013, các hàng thừa kế đều xác định đây là tài sản của ông T, bà D, khi ông T, bà D xây dựng ngôi nhà này mục đích để thờ cúng tổ tiên, bố mẹ, các hàng thừa kế cũng xác định không có đóng góp gì, do vậy yêu cầu này của anh H không có căn cứ chấp nhận.

Như vậy HĐXX đã có đầy đủ căn cứ xác định di sản thừa kế là diện tích đất 444m² và xác định được hàng thừa kế thứ nhất của cụ P, cụ N. Do cha, mẹ của cụ Nguyễn Chí P và chị Nguyễn Thị N đều chết trước 02 cụ, nên chỉ có 4 người con của 02 cụ được hưởng thừa kế, cụ thể là: Ông Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Tiến B, ông Nguyễn Mạnh T1 và bà Nguyễn Thị B1. Xét thấy trong 4 người con của cụ P, cụ N thì hiện nay chỉ có 3 người còn sống và có một người con chết trước cụ Nguyễn Thị N là bà Nguyễn Thị B1 (chết năm 2008) nên các con của bà B1 là anh Nguyễn Bá H và chị Nguyễn Thị Thu T2 được hưởng thừa kế thế vị phần di sản của bà B1 được hưởng của cụ Nguyễn Chí P và bà Nguyễn Thị N.

Do các hàng thừa kế là ông Nguyễn Mạnh T1, ông Nguyễn Tiến B đều có yêu cầu không nhận di sản thừa kế, ông T1, ông B đều đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông T1, ông B cho ông Nguyễn Trí T sử dụng để làm nơi thờ cúng tổ tiên, cha mẹ. HĐXX xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các bên đương sự, sự tự nguyện thỏa thuận này không trái pháp luật và đạo đức xã hội do vậy yêu cầu của các ông T1, B được chấp nhận.

Đối với yêu cầu của các hàng thừa kế thế vị là anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2 đều có yêu cầu được hưởng kỷ phần thừa kế bằng tiền mặt. HĐXX xét thấy đây là yêu cầu tự nguyện của các đương sự, yêu cầu tự nguyện này không trái pháp luật và đạo đức xã hội do vậy yêu cầu của các anh H, chị T2 được chấp nhận.

Về chi phí mai táng, thực hiện thay nghĩa vụ của cụ P, cụ N: Các đương sự không có tranh chấp, xác định các cụ P, N khi còn sống không phát sinh vay nợ ai, các đương sự đều không yêu cầu giải quyết.

Do vậy di sản thừa kế được chia như sau: Chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật: $444\text{m}^2 : 4 = 111\text{m}^2/\text{suất}$. Do các hàng thừa kế không nhận di sản và yêu cầu thanh toán bằng tiền do vậy xác định giá trị diện tích đất $444\text{m}^2 \times 2.500.000\text{đ}/\text{m}^2 = 1.110.000.000\text{đ} : 4 = 277.500.000\text{đ}/\text{suất}$. Giao toàn bộ di sản thừa kế là: Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích 444m^2 , tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, HN, có giá trị 1.110.000.000đ cho ông Nguyễn Trí T được quyền sử dụng. Buộc ông Nguyễn Trí T phải thanh toán kỹ phần cho các thừa kế thế vị là cháu H, cháu T2 số tiền: 277.500.000đ (*Hai trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng*) là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá đo vẽ tài sản: Ông Nguyễn Trí T tự nguyện chịu toàn bộ và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, 35, 39, Điều 147; Điều 228 B luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 649, 650, 651, 652, 660 của bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Xử: 1/. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trí T về việc chia tài sản là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Chí P, cụ Nguyễn Thị N theo pháp luật.

Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Chí P, cụ Nguyễn Thị N là quyền sử dụng diện tích đất là: 444m^2 thuộc thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, HN, có giá trị: 1.110.000.000đ (*Một tỷ, một trăm mười triệu đồng*). Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: Từ điểm 1 - 2 dài 1,97m. Từ điểm 2 - 3 dài 2,11m. Từ điểm 3 - 4 dài 11,28m. Từ điểm 4 - 5 dài 12,88m. Từ điểm 5 - 6 dài 16,15m. Từ điểm 6 - 7 dài 16,

85m. Từ điểm 7 - 8 dài 1,89m. Từ điểm 8 - 9 dài 1,68m. Từ điểm 9 - 10 dài 9,58m. Từ điểm 10 - 1 dài 21,03m. (Có bản vẽ sơ đồ kèm theo bản án).

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N gồm: ông Nguyễn Trí T, ông Nguyễn Mạnh T1, ông Nguyễn Tiến B.

Xác định thừa kế thế vị gồm: Anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2.

Xác định kỹ phần thừa kế di sản của cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N theo quy định của pháp luật, mỗi kỹ phần trị giá: $1.110.000.000đ : 4 = 277.500.000đ$ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

2/. Giao cho ông Nguyễn Trí T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất của cụ Nguyễn Chí P và cụ Nguyễn Thị N là: Thửa đất số 196, tờ bản đồ số 3, diện tích $444m^2$, tại thôn CĐ, xã CĐ, huyện BV, thành phố HN, có giá trị thửa đất là: $1.110.000.000đ$ (Một tỷ một trăm mười triệu đồng). Thửa đất được giới hạn bởi các điểm: Từ điểm 1 - 2 dài 1,97m. Từ điểm 2 - 3 dài 2,11m. Từ điểm 3 - 4 dài 11,28m. Từ điểm 4 - 5 dài 12,88m. Từ điểm 5 - 6 dài 16,15m. Từ điểm 6 - 7 dài 16, 85m. Từ điểm 7 - 8 dài 1,89m. Từ điểm 8 - 9 dài 1,68m. Từ điểm 9 - 10 dài 9,58m. Từ điểm 10 - 1 dài 21,03m. (Có bản vẽ sơ đồ kèm theo bản án).

3/. Buộc ông Nguyễn Trí T phải thanh toán cho các thừa kế thế vị là: Anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2 số tiền là: $277.500.000đ$ (Hai trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật ông Nguyễn Trí T có quyền, nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, kê khai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 B luật dân sự năm 2015 trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

4/. Án phí: Ông Nguyễn Trí T phải chịu số tiền án phí: 36.975.000đ (*Ba mươi sáu triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ một phần vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Trí T đã nộp 5.550.000đ (*Năm triệu, năm trăm lăm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0060082 ngày 21/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện BV, HN. Ông Nguyễn Trí T phải nộp tiếp số tiền án phí là: 31.425.000đ (*Ba mươi mốt triệu, bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng*).

Anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2 mỗi người phải chịu số tiền án phí 6.937.500đ (*Sáu triệu, chín trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5/. Quyền kháng cáo: Ông Nguyễn Trí T, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Nguyễn Mạnh T1, ông Nguyễn Tiến B, anh Nguyễn Bá H, chị Nguyễn Thị Thu T2, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị Kim D có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TANDTP.HN;
- VKS huyện BV;
- THA huyện BV;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Phúc Thịnh

HỘI THẨM N DÂN

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

